TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BẮC GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/DS-PT.
Ngày 28 -5-2020
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thạo;
Các thẩm phán: - Ông Nguyễn Hải Vinh.
- Ông Nguyễn Gia Lương.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2019/TLPT- DS ngày 17/02/2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2019/DS-ST ngày 11/12/2019 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐ – PT ngày 23 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/QĐ- PT ngày 28/4/2020 giữa các đương sự:

- Các đồng nguyên đơn:

1. Ông Thân Văn Đ, sinh năm 1952 (Là người kháng cáo; có mặt);
2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952 (Có mặt);
3. Anh Thân Văn V, sinh năm 1971 (đã chết);
4. Chị Thân Thị P, sinh năm 1973 (Có mặt);
5. Anh Thân Văn T, sinh năm 1975 (Có mặt);
6. Chị Thân Thị P1, sinh năm 1977 (đã chết);

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Thân Văn V: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

- Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của chị Thân Thị P1:

1. Anh Thân Văn T, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

2. Anh Thân Văn N, sinh năm 1995 (Vắng mặt);

3. Anh Thân Văn H, sinh năm 1997 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T, chị Thân Thị P, anh Thân Văn T, anh Nguyễn Văn P, Anh Thân Văn T, Anh Thân Văn N và Anh Thân Văn H: Ông Thân Văn Đ, sinh năm 1952 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

-*Các đồng bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1948 (Vắng mặt)

2. Bà Thân Thị T, sinh năm 1953 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của Ông Nguyễn Thanh S và Bà Thân Thị T: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1971 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn*: Ông Giáp Tuấn T là Luật sư của Văn phòng luật sư Phạm Xuân A chi nhánh số 1 thành phố B, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 25, đường Đ5, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1.Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1971 (Có mặt)

2. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1971 (Có mặt)

4. Chị Lưu Thị C, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Thị T và Chị Lưu Thị C: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1971 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

5. Ông Thân Văn T, sinh năm 1954 (Vắng mặt);

6. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963 (Vắng mặt);

7. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1965 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

8. Uỷ ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang do ông Bùi Quang H, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Y đại diện theo pháp luật; Người đại diện theo ủy quyền là bà Phòng Thị N, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;

9. Uỷ ban nhân dân xã Tiền Phong, huyện Y, tỉnh Bắc Giang do ông Trần Văn H, chức vụ: Chủ tịch UBND xã T đại diện theo pháp luật; Người đại diện theo ủy quyền là ông Thân Văn G, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, ông Thân Văn Đ với tư cách là nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng. Anh Thân Văn V, chị Thân Thị P, anh Thân Văn T và chị Thân Thị P1 là các con của ông và bà Nguyễn Thị T.

Năm 1989, gia đình ông được Hợp tác xã Tiền Phong chia cho 3.180m² đất nông nghiệp tại Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đến năm 1993, Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSD đất) nông nghiệp số 810/225 ngày 01/6/1993 cho gia đình ông, trong đó có thửa 543m² đất hai lúa màu thuộc xứ đồng Chăn nuôi ở xóm 6, Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Cũng năm 1993, ông cho Ông Nguyễn Thanh S đấu thầu ruộng nông nghiệp đối với thửa 543m² đất hai lúa màu thuộc xứ đồng Chăn nuôi với thời hạn là 15 năm, giá là 950kg thóc. Khi cho nhau đấu thầu hai bên không lập biên bản mà chỉ nói miệng với nhau, cụ thể hai bên thỏa thuận thời gian đấu thầu từ năm 1993 đến năm 2008.

Năm 1999, chính quyền địa phương đã tiến hành đo đạc lại diện tích đất nông nghiệp của nhà ông và gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dung đất số: 00511 ngày 26/01/1999 đối với 2.547m² đất nông nghiệp, trong đó có diện tích 528m² tại thửa số 245, tờ bản đồ số 7 tại cửa Chăn Nuôi thuộc Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi đo đạc và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dung đất thì diện tích đất nông nghiệp tại cửa Chăn Nuôi thuộc thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang của nhà ông đã giảm đi 15m² (ông nhất trí và không có ý kiến gì về việc giảm diện tích đất này). Thửa đất này có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Tây Bắc giáp đường bê tông của thôn, phía Đông Nam giáp máng tiêu của thôn, phía Đông Nam giáp đường bê tông của thôn, phía Tây Nam giáp hộ Thân Văn T1.

Ông khẳng định diện tích 543m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 810/225 ngày 01/6/1993 và diện tích 528m² tại thửa số 245, tờ bản đồ số 7 theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00511 ngày 26/01/1999 là cùng một thửa đất và có cùng địa chỉ tại cửa Chăn Nuôi thuộc Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Thửa đất này hiện nay chính là thửa đất mà gia đình Ông Nguyễn Thanh S, Bà Thân Thị T đang quản lý và sử dụng.

Ông không đề nghị Tòa án xem xét diện tích 543m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 810/225 ngày 01/6/1993. Vì giấy chứng nhận quyền sử dung đất này đã được cấp lại bằng giấy chứng nhận quyền sử dung đất số: 00511 ngày 26/01/1999.

Thay mặt cho các nguyên đơn, ông đề nghị Tòa án giải quyết những yêu cầu sau: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh S, bà Thân Thị T phải trả lại cho ông diện tích 528m² tại thửa số 245, tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận quyền sử dung đất số: 00511 ngày 26/01/1999. Phương thức trả là quy đổi diện tích 528m² ra thành tiền theo quy định của Nhà nước, ông sẽ nhận bằng tiền.

Buộc vợ chồng Ông Nguyễn Thanh S, Bà Thân Thị T phải bồi thường cho ông toàn bộ thiệt hại do không được canh tác từ năm 2009 đến thời điểm trả đất với mức 200kg thóc/1 năm. Cụ thể là 10 năm x 200kg thóc/1 năm = 2.000 kg thóc. Nếu gia đình ông Sơn, bà Thường trả bằng thóc thì ông nhận thóc, nếu gia đình ông Sơn, bà Thường trả bằng tiền thì đề nghị Tòa án quy đổi 2.000 kg thóc bằng giá thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm với giá 7.100đ/01 kg x 2000kg = 14.200.000đ. Ngoài ra ông Đoàn không trình bày gì thêm.

Bị đơn Ông Nguyễn Thanh S, Bà Thân Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Văn P, Chị Nguyễn Thị T, Chị Lưu Thị C đều thống nhất trình bày: Ngày 01/6/1993, ông Đoàn được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dung đất tạm thời đối với 3.180m² đất nông nghiệp, trong đó có 543m^2 đất tại xứ đồng Chăn Nuôi, tại trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dung đất này ghi rõ "*Nhà nước sẽ tiếp tục làm bản đồ địa chính, sổ sách địa chính, để cấp giấy chứng nhận chính thức. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này có giá trị pháp lý trong thời gian chưa có giấy chứng nhận chính thức*". Ngày 28/8/1993, gia đình ông Thân Văn Đ có "bán đấu thầu" cho gia đình ông Sơn một thửa ruộng diện tích 543m^2 tại xứ đồng Chăn nuôi, xóm 6, thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang với giá 950kg thóc trong thời hạn 15 năm. Khi đó hai bên có làm giấy viết tay nhưng do gia đình Ông Nguyễn Thanh S không được xem giấy chứng nhận quyền sử dung đất của ông Thân Văn Đ nên khi đó giấy viết diện tích thửa ruộng là "*1 sào 7 thước*" là không phù hợp với GCNQSD đất tạm thời của gia đình ông Thân Văn Đ (vì theo giấy chứng nhận quyền sử dung đất hộ ông Đoàn chỉ có 01 thửa ruộng diện tích 543m^2 tại xứ đồng Chăn nuôi). Sau

đó, gia đình ông Thân Văn Đ đã bàn giao thửa ruộng 543m^2 cho gia đình Ông Nguyễn Thanh S sử dụng. Ngay sau khi nhận ruộng, gia đình ông Ngyễn Thanh Sơn đã xây dựng lên đất ngôi nhà tạm cấp 4 để ở, khi xây dựng gia đình ông Thân Văn Đ ở cùng thôn có biết nhưng không có ý kiến gì.

Trong quá trình chia ruộng chính thức, Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã điều chỉnh lại việc phân chia ruộng trên toàn xã trong đó có điều chỉnh ruộng của gia đình ông Thân Văn Đ, cụ thể là rút của gia đình ông Đoàn 3 thửa ruộng là: Thửa 543m^2 tại xứ đồng Chăn nuôi, thửa 264m^2 tại xứ đồng T, thửa 354m^2 tại xứ đồng X và chia thêm cho cho ông Thân Văn Đ thửa ruộng 528m^2 tại khu Đ. Vì trong biên bản bán ruộng ông Thân Văn Đ và Ông Nguyễn Thanh S thỏa thuận "*sau này hợp tác xã thu lại chia đất, tập thể đền bù, số ruộng này gia đình ông Thân Văn Đ giao trả cho gia đình Ông Nguyễn Thanh S*" và do thời hạn "bán đầu thầu" đất chưa hết nên gia đình ông đã nhận thửa ruộng 528m^2 tại khu Đ mà gia đình ông Thân Văn Đ được chia bổ sung để canh tác. Đến ngày 26/01/1999, hộ ông Thân Văn Đ được Uỷ ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dung đất chính thức, theo đó thì hộ ông Thân Văn Đ không còn thửa đất 543m^2 tại xứ đồng Chăn nuôi, mà được cấp bổ sung thửa đất số 245, tờ bản đồ số 7 diện tích 528m^2 tại khu Đồng Sòi (theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tiền Phong, huyện Y, tỉnh Bắc Giang tại văn bản số 63/UBND-ĐĐ ngày 31/7/2018). Gia đình Ông Nguyễn Thanh S sử dụng thửa đất tại xứ Đồng Sòi đến năm 2008 hết hạn thầu thì Ông Nguyễn Thanh S trả lại ruộng cho gia đình ông Thân Văn Đ canh tác, gia đình ông Thân Văn Đ đã trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất số 245, tờ bản đồ số 7 diện tích 528m^2 tại khu Đồng Sòi từ năm 2008, từ đó đến nay gia đình Ông Nguyễn Thanh S không sử dụng thửa đất này nữa.

Năm 1996, Ủy ban nhân dân xã Tiền Phong, huyện Y, tỉnh Bắc Giang triển khai bán đất dãn dân tại khu Chăn Nuôi, do gia đình Ông Nguyễn Thanh S đã xây nhà trên thửa đất 543m^2 ông Thân Văn Đ "bán đấu thầu" cho gia đình Ông Nguyễn Thanh S năm 1993 nên gia đình ông Nguyễn Thanh S đã xin mua lại thửa đất có nhà và tài sản của gia đình Ông Nguyễn Thanh S. Ngày 25/5/1996 và ngày 26/5/1996, Ông Nguyễn Thanh S đã nộp 3.000.000 đồng cho Ông Thân Văn T (là phó Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang), cùng ngày gia đình Ông Nguyễn Thanh S được thôn, cán bộ địa chính xã đo và giao đất. Quá trình sử dụng đất gia đình ông Nguyễn Tahnh Sơn có khai hoang, cơi nới tân tạo thêm để được khu đất như hiện nay. Ngày 18/10/2000, Uỷ ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dung đất số S086965 cho anh Nguyễn Văn H là con trai Ông Nguyễn Thanh S đối với một phần thửa đất mua năm 1996 là 248m^2. Năm 2003, anh Nguyễn Văn H và Anh Nguyễn Văn P đã xây dựng lên thửa đất 02 ngôi

nhà 02 tầng kiên cố và sử dụng ổn định từ đó đến nay. Khi anh Nguyễn Văn H và Anh Nguyễn Văn P xây dựng nhà, gia đình ông Thân Văn Đ thường xuyên qua lại trên con đường trước của nhà Ông Nguyễn Thanh S, bản thân ông Thân Văn Đ biết rõ nhưng không hề có ý kiến gì. Ngày 26/9/2004, anh Nguyễn Văn H đóng số tiền 3.480.000 đồng cho Uỷ ban nhân dân xã Tiền Phong, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là "tiền sử dụng đất ở khu chăn nuôi thuộc xóm 6, thôn Thành Công, huyện Y, tỉnh Bắc Giang diện tích 270m^{2}" (theo phiếu thu số 17 ngày 26/9/2004). Ông Thân Văn Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng Ông Nguyễn Thanh S phải trả lại cho ông Thân Văn Đ diện tích 528m^2 thuộc thửa số 245 tờ bản đồ số 7 tại xóm 6, thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và bồi thường thiệt hại do không được canh tác từ năm 2009 đến nay, Ông Nguyễn Thanh S, Bà Thân Thị T, Anh Nguyễn Văn P, Chị Nguyễn Thị T, Chị Lưu Thị C không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H trình bày: Do gia đình anh và gia đình ông Thân Văn Đ có mối quan hệ hàng xóm. Năm 1993, do biết gia đình ông Thân Văn Đ có nhu cầu bán ruộng khu Chăn nuôi nên giữa ông Nguyễn Thanh Sơn, Bà Thân Thị T và ông Thân Văn Đ, bà Nguyễn Thị T có thỏa thuận với nhau về việc ông Thân Văn Đ, bà Nguyễn Thị T bán đấu thầu cho Ông Nguyễn Thanh S, Bà Thân Thị T diện tích 543m² đất thuộc xứ đồng Chăn nuôi của gia đình ông Thân Văn Đ mà Uỷ ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dung đất cho ông Thân Văn Đ. Hai bên thỏa thuận thời hạn đấu thầu là 15 năm, giá đấu thầu là 950kg thóc, khi thỏa thuận đấu thầu như vậy thì hai bên có lập thành biên bản. Mục đích đấu thầu diện tích đất này là để thời gian sau hợp tác xã có chính sách bán đất ở cho dân thì gia đình ông sẽ có xuất để mua đất ở, vì diện tích 543m² đất thuộc xứ đồng chăn nuôi giáp với khu dân cư. Gia đình anh đã canh tác trên diện tích đất này từ năm 1993 đến 1996. Khoảng tháng 5 năm 1996, Uỷ ban nhân dân xã Tiền Phong, huyện Y, tỉnh Bắc Giang có chính sách giãn dân cư nên Uỷ ban nhân dân xã Tiền Phong, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã thu hồi lại diện tích đất ở khu Chăn nuôi và bán đất cho các hộ dân. Theo đó thì gia đình ông Thân Văn Đ được cấp bù lại diện tích 528m² ở xứ đồng Đồng S để thay cho diện tích 543m² đất thuộc xứ đồng Chăn nuôi. Chính anh là người đã đi nhận thay gia đình ông Thân Văn Đ diện tích 528m² ở xứ đồng Đồng Sòi này và năm 1999 hộ ông Thân Văn Đ đã được Uỷ ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp GCNQSD đất đối với diện tích 528m² ở xứ đồng Đồng Sòi.

Ngày 25/5/1996 và ngày 26/5/1996, bố ông là Ông Nguyễn Thanh S đã nộp số tiền 3.000.000 đồng cho Ông Thân Văn T là Phó trưởng thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để được xuất mua đất ở, cùng ngày gia đình anh được thôn và cán bộ địa

chính xã đo đạc và giao đất cho gia đình anh với diện tích là 520m². Quá trình sử dụng đất gia đình anh có khai hoang và tân tạo thêm và bố mẹ ông đã chia thửa đất này làm hai phần cho anh một nửa và em trai anh là Anh Nguyễn Văn P một nửa. Ngày 18/10/2000, anh đã được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dung đất số S086965 đối với diện tích đất là 248m² ở Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Còn thửa đất của em trai anh là Anh Nguyễn Văn P là 270m² chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2003, vợ chồng anh đã xây dựng một ngôi nhà 02 tầng kiên cố trên diện tích đất 248m² này và gia đình ông sử dụng ổn định từ năm 1996 đến nay. Việc anh xây dựng nhà trên diện tích đất này ông Thân Văn Đ có biết và không hề có ý kiến gì. Quá trình sử dụng diện tích đất này giữa hai gia đình cũng không xảy ra tranh chấp. Từ năm 2005 đến nay gia đình anh đều đóng thuế đất ở đối với diện tích đất này cho nhà nước theo quy định. Năm 2016, gia đình ông Thân Văn Đ bắt đầu có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để khởi kiện vụ việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với gia đình anh.

Đối với diện tích 270m² của Anh Nguyễn Văn P đã xây dựng một căn nhà 02 tầng kiên cố năm 2005. Ông Thân Văn Đ có biết việc anh Phòng xây dựng nhà kiên cố trên diện tích đất này nhưng ông Thân Văn Đ không có ý kiến gì.

Về thửa đất thửa đất của gia đình anh có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường bê tông của thôn đi lên mương, phía Đông giáp mương tiêu của thôn, phía Tây Nam giáp hộ Thân Văn T1.

Ông Thân Văn Đ khởi kiện yêu cầu gia đình anh phải trả lại cho gia đình ông Thân Văn Đ diện tích 528m² đất, anh không đồng ý, bởi vì: Diện tích 528m² đất mà ông Thân Văn Đ khởi kiện là diện tích đất thuộc thửa số 245, tờ bản đồ số 7 thuộc xứ Đồng Sòi mà gia đình ông Thân Văn Đ đã được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giagn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00511 ngày 26/01/1999. Còn diện tích đất gia đình anh đang sử dụng là thuộc xóm 6, Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Toàn bộ thửa đất này gia đình anh đã mua lại của thôn T, xã P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Thân Văn T trình bày: Khoảng năm 1993 ông làm phó trưởng thôn kiêm thủ quỹ của thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Năm 1996, địa phương có chính sách giãn dân đối với khu đất Chăn Nuôi của thôn và ưu tiên cho các hộ gia đình có đất nông nghiệp canh tác ở đó. Tuy hộ ông Thân Văn Đ có diện tích đất nông nghiệp ở đó nhưng không có điều kiện và không có nhu cầu mua. Gia đình Ông Nguyễn Thanh S thời điểm đó đang thầu đất của gia đình ông Thân Văn Đ và có nhu cầu mua đất tại đó nên đã đến

Ban quản lý thôn đề nghị được mua đất và thôn đã bán đất cho Ông Nguyễn Thanh S. Ngày 26/5/1996 ông có thu của gia đình Ông Nguyễn Thanh S số tiền 3.000.000 đồng là tiền Ông Nguyễn Thanh S mua đất của thôn. Số tiền này ông đã nộp vào quỹ của thôn và có viết phiếu thu tiền của Ông Nguyễn Thanh S. Đối với chính sách giãn dân và bán đất cho người dân đã được chính quyền thôn thông báo rộng rãi đến toàn thôn. Sau khi thu tiền của Ông Nguyễn Thanh S một thời gian sau thì thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã tiến hành đo đạc và bàn giao đất cho gia đình Ông Nguyễn Thanh S, cụ thể diện tích bao nhiêu thì ông không nhớ do thời gian đã lâu. Sau khi gia đình Ông Nguyễn Thanh S được nhận và sử dụng diện tích đất này thì gia đình ông Thân Văn Đ không có ý kiến gì đối với Ban quản lý thôn cũng như đối với gia đình ông Sơn.

Về việc nộp thuế sản đối với diện tích đất này thì ông không nắm được. Việc giãn dân và bán đất của Ban quản lý thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang khi đó là thực hiện theo chính sách của Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân xã, theo đó thì toàn bộ diện tích đất nông nghiệp tại cửa Chăn Nuôi, thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đều chuyển đổi thành mục đích đất ở chứ không riêng hộ ông Thân Văn Đ. Từ đó cho đến nay thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang không còn hộ dân nào có đất nông nghiệp tại cửa Chăn Nuôi nữa. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T trình bày: Ông làm cán bộ Tài chính của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang từ năm 2000 đến năm 2015. Khoảng năm 2004, Ủy ban nhân dân xã Tiền Phong, huyện Y, tỉnh Bắc Giang có giao cho ông danh sách nợ của toàn xã, trong đó có thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang còn nợ tiền đất khu Chăn Nuôi. Theo đó hộ anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1971; địa chỉ thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang còn nợ số tiền 3.480.000 đồng. Ngày 26/9/2004 anh Nguyễn Văn H có nộp số tiền 3.480.000 đồng do ông trực tiếp thu tại phiếu thu số 17. Sau khi thu được tất cả số tiền các hộ còn nợ, trong đó có hộ anh Nguyễn Văn H thì ông đã nộp về Kho bạc Nhà nước huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Ngoài ra, toàn bộ kế hoạch, trình tự và thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp thành đất ở tại thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang như thế nào thì ông không nắm được. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông làm Trưởng thôn T, xã P, xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng từ năm 1993 đến năm 1997. Năm 1993 hộ gia đình ông Thân Văn Đ được Uỷ ban nhân dân huyện cấp GCNQSD đất nông nghiệp (tạm thời) đối với 3.180m^2 đất, trong đó có thửa ở xứ đồng Chăn Nuôi có diện tích là 543m^2 đất. Sau đó giữa gia đình ông Thân Văn Đ và gia đình Ông

Nguyễn Thanh S bán ruộng có thời hạn là 15 năm cho nhau đối với thửa đất 543m^2 tại xứ đồng Chăn Nuôi. Việc mua bán ruộng cho nhau thế nào thì ông không nắm được, nhưng sau khi Ông Nguyễn Thanh S mua đất của ông Thân Văn Đ thì xây dựng nhà để ở luôn. Năm 1995, Ủy ban nhân dân huyện Y có chính sách quy hoạch hợp pháp hóa đất nông nghiệp ở xứ đồng Chăn Nuôi thành đất ở (vì thực tế các hộ dân sống tại đây đã xây dựng nhà cửa hết). Theo chính sách này thì chính quyền thôn có họp chi bộ và họp dân nhiều lần để đi đến thống nhất là tất cả các hộ có diện tích đất ở xứ đồng Chăn Nuôi sẽ được trả bù đất ra xứ Đồng S, thôn Th và sẽ ưu tiên cho các hộ đã xây dựng nhà cửa tại xứ đồng Chăn Nuôi được mua đất. Khi họp dân thì hộ gia đình Ông Nguyễn Thanh S có mang các giấy tờ mua bán đất với gia đình ông Thân Văn Đ trình báo, gia đình Ông Nguyễn Thanh S đã xây dựng nhà trên đó và có nhu cầu mua đất nên theo chính sách của Ủy ban nhân dân huyện thì bán thửa đất 543m^2 tại xứ đồng Chăn Nuôi cho hộ Ông Nguyễn Thanh S. Khi bán đất cho gia đình Ông Nguyễn Thanh S thì gia đình ông Thân Văn Đ không có ý kiến gì. Khi thôn tiến hành giao đất cho gia đình ông Thân Văn Đ ở xứ Đồng Sòi thì diện tích 528m^2 đất tại thửa số 245, tờ bản đồ số 7 là giao trực tiếp cho gia đình Ông Nguyễn Thanh S vì ông Thân Văn Đ đã bán cho gia đình Ông Nguyễn Thanh S thửa đất 543m^2 tại xứ đồng Chăn Nuôi, thời hạn 15 năm. Đến năm 2008, sau khi hết thời hạn mua bán đất gia đình Ông Nguyễn Thanh S đã trả lại thửa đất 528m^2 đất ở xứ Đồng Sòi cho gia đình ông Thân Văn Đ. Năm 1999, Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chính thức) cho hộ ông Thân Văn Đ. Theo đó hộ ông Thân Văn Đ có tổng diện tích đất nông nghiệp là 2.547m^2 đất tại thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cụ thể gồm có các thửa đất sau:

1.Thửa số 356, tờ bản đồ số 5 ở xứ Đồng T có diện tích 179m^2;

2. Thửa số 360, tờ bản đồ số 5 ở xứ Đồng T có diện tích 292m^2;

3. Thửa số 350, tờ bản đồ số 5 ở xứ Đồng T có diện tích 432m^2;

4. Thửa số 249, tờ bản đồ số 6 ở xứ Đường R có diện tích 50m^2;

5. Thửa số 36, tờ bản đồ số 7 ở xứ Đường R có diện tích 411m^2;

6. Thửa số 19, tờ bản đồ số 6 ở xứ Đồng M có diện tích 299m^2;

7. Thửa số 307, tờ bản đồ số 7 ở xứ Đồng S có diện tích 356m^2;

8. Thửa số 245, tờ bản đồ số 7 ở xứ Đồng S có diện tích 528m^2;

Kể từ năm 1997 đến nay, hộ gia đình ông Thân Văn Đ nói riêng và tất cả các hộ ở thôn Thành Công, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nói chung không ai còn diện tích đất nông nghiệp tại khu cửa Chăn Nuôi nữa. Bởi vì, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp tại cửa Chăn Nuôi đã được chuyển đổi thành đất ở. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã Tiền Phong, huyện Y, tỉnh Bắc Giang do ông Thân Văn G - chức vụ: Phó Chủ tịch đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông làm phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang từ tháng 8 năm 2015 đến nay. Đối với GCNQSD đất số 810/255 ngày 01/6/1993 do Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp cho hộ ông Thân Văn Đ có diện tích là 3.180m^2 đất nông nghiệp tại thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang tại mục 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi: "Nhà nước sẽ tiếp tục làm bản đồ địa chính, sổ sách địa chính, để cấp giấy chứng nhận chính thức. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này có giá trị pháp lý trong thời gian chưa có giấy chứng nhận chính thức". Đến năm 1999, Nhà nước thực hiện chính sách toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ để thay thế cho GCNQSD đất cấp năm 1993, trong đó có hộ ông Thân Văn Đ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00511 do ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 26/01/1999.Hiện nay, theo sổ địa chính của Ủy ban nhân dân xã Tiền Phong, huyện Y, tỉnh Bắc Giang quản lý đất nông nghiệp tại Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Theo đó, hộ ông Thân Văn Đ và bà Thân Thị Tư có các thửa sau đây:

1. Thửa số 356, tờ bản đồ số 5 ở xứ Đồng T có diện tích 179m^2;
2. Thửa số 360, tờ bản đồ số 5 ở xứ Đồng T có diện tích 292m^2;
3. Thửa số 350, tờ bản đồ số 5 ở xứ Đồng T có diện tích 432m^2;
4. Thửa số 249, tờ bản đồ số 6 ở xứ Đường R có diện tích 50m^2;
5. Thửa số 36, tờ bản đồ số 7 ở xứ Đường R có diện tích 411m^2;
6. Thửa số 19, tờ bản đồ số 6 ở xứ Đồng M có diện tích 299m^2;
7. Thửa số 307, tờ bản đồ số 7 ở xứ Đồng S có diện tích 356m^2;
8. Thửa số 245, tờ bản đồ số 7 ở xứ Đồng S có diện tích 528m^2.

Như vậy, hộ gia đình ông Thân Văn Đ, bà Nguyễn Thị T có tổng diện tích đất nông nghiệp là 2.547m^2 và hộ ông Thân Văn Đ, bà Nguyễn Thị T không có diện tích đất nông nghiệp tại xứ đồng Chăn Nuôi.Căn cứ vào sổ mục kê, bản đồ địa chính của UBND xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; qua buổi xem xét thẩm định tại chỗ thì xác định: Thửa đất số 245, tờ bản đồ số 7 có diện tích 528m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Thân Văn Đ có vị trí tại xứ Đồng Sòi, Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Đối với hộ ông Nguyễn Văn H hiện đang quản lý và sử dụng thửa đất số 172, tờ bản đồ số 63 có diện tích là 323,8m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 có địa chỉ tại cửa Chăn Nuôi, Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Đối với hộ ông Nguyễn Văn P hiện đang quản lý và sử dụng thửa đất số 159, tờ bản đồ số 63 có diện tích là 313,7m^2. Tuy nhiên, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất này có địa chỉ tại cửa Chăn Nuôi, Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Năm 1995, Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang kết hợp với Ủy ban nhân dân xã Tiền P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang thực hiện thu hồi toàn bộ diện tích đất nông nghiệp để hợp pháp hóa đất nông nghiệp tại xứ đồng Chăn Nuôi, Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.Theo đó, đã họp Chi bộ thôn và họp dân nhiều lần để thống nhất. Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và thôn T đã thống nhất tất cả các hộ có diện tích đất tại cửa Chăn Nuôi sẽ được đền bù lại bằng diện tích đất tại xứ Đồng S.

Như vậy, theo chính sách đó thì hộ ông Thân Văn Đ có diện tích đất 543m^2 tại cửa Chăn Nuôi đã được đổi bằng thửa số 245, tờ bản đồ số 7 có diện tích 528m^2 tại xứ Đồng S. Và cũng theo đó thì tất cả các hộ trong thôn Thành Công nói chung và hộ ông Thân Văn Đ nói riêng không còn đất nông nghiệp tại xứ đồng Chăn Nuôi nữa. Nên ông Thân Văn Đ khởi kiện đòi diện tích đất nông nghiệp tại xứ đồng Chăn Nuôi là không có căn cứ. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang do bà Phòng Thị N- chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Y, tỉnh Bắc Giang đại diện theo ủy quyền trình bày: Theo hồ sơ lưu trữ, Ngày 01/6/1993, Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Thân Văn Đ được sử dụng 3.180m^2 đất nông nghiệp gồm 10 thửa đất tại Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Cụ thể gồm các thửa sau:

1. Xứ Đồng T diện tích 179 m^2
2. Xứ Đồng T diện tích 292 m^2
3. Xứ Đồng T diện tích 432 m^2
4. Xứ Đồng C diện tích 543 m^2
5. Xứ Đồng T diện tích 264 m^2
6. Xứ Đồng Đường R diện tích 50 m^2
7. Xứ Đồng Đường X diện tích 354 m^2
8. Xứ Đồng Đường X diện tích 411 m^2
9. Xứ Đồng M diện tích 299 m^2
10. Xứ Đồng Đ diện tích 356 m^2

Từ năm 1992 đến năm 1999, qua quá trình sử dụng đất của hộ gia đình, điều chỉnh ruộng đất của Ủy ban nhân dân xã và thôn T theo chính sách pháp luật đất đai

năm 1993, đến năm 1999 trên cơ sở kết quả đo đạc bản đồ giải thửa 299 và kê khai của hộ gia đình ông Thân Văn Đ, Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp số vào sổ 00511 ngày 26/01/1999 mang tên hộ ông Thân Văn Đ với tổng diện tích là 2.547m^2 với 08 thửa đất có địa chỉ tại Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; đối chiếu với sổ địa chính 08 thửa đất tương ứng tại các xứ đồng cụ thể như sau:

1. Thửa số 356, tờ bản đồ số 5 ở xứ Đồng T có diện tích 179m^2.
2. Thửa số 360, tờ bản đồ số 5 ở xứ Đồng T có diện tích 292m^2.
3. Thửa số 350, tờ bản đồ số 5 ở xứ Đồng T có diện tích 432m^2.
4. Thửa số 249, tờ bản đồ số 6 ở xứ Đường Rcó diện tích 50m^2.
5. Thửa số 36, tờ bản đồ số 7 ở xứ Đường R có diện tích 411m^2.
6. Thửa số 19, tờ bản đồ số 6 ở xứ Đồng M có diện tích 299m^2.
7. Thửa số 307, tờ bản đồ số 7 ở xứ Đồng S có diện tích 356m^2.
8. Thửa số 245, tờ bản đồ số 7 ở xứ Đồng S có diện tích 528m^2.

So sánh giữa giấy chứng nhận được cấp năm 1993 với năm 1999 chênh lệch diện tích là 633m^2, giấy chứng nhận cấp năm 1999 không có xứ đồng C diện tích 543 m^2, xứ đồng Tiền Tô 264 m^2, xứ đồng X diện tích 354 m^2 nhưng có thêm xứ Đồng S là 528m^2. Như vậy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp hộ ông Thân Văn Đ năm 1999 không có diện tích đất nông nghiệp tại xứ đồng C của thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và có sự thay đổi và điều chỉnh diện tích một số xứ đồng. Các vị trí được cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Thân Văn Đ thôn T, xã P huyện Y, tỉnh Bắc Giang theo số tờ, số thửa và xứ đồng. Tuy nhiên, qua tra cứu hồ sơ lưu trữ, hiện nay không còn lưu trữ được bản đồ, hồ sơ thể hiện cụ thể vị trí trên thực địa các thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 và năm 1999. Vì vậy, không có quan điểm và không biết được thửa đất số 245 tờ bản đồ 07 diện tích 528m^2 vị trí tại thực địa ở chỗ nào. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang căn cứ tài liệu, lời khai của các bên, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định vị trí thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến vụ án và quá trình sử dụng đất thực tế của người sử dụng đất để làm cơ sở giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, thửa đất tại xứ Đồng C, thôn T, xã P mà gia đình Ông Nguyễn Thanh S đang quản lý và sử dụng, cụ thể đã chia cho anh Nguyễn Văn H sử dụng 248m^2 mục đích sử dụng: Thổ cư và Anh Nguyễn Văn P sử dụng 303,7 m^2 mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp (chính là thửa đất mà ông Thân Văn Đ khởi kiện) có các cạnh tiếp giáp như sau:

Phía Đông tiếp giáp với mương nước của thôn T.

Phía Tây tiếp giáp với đường bê tông của thôn T.

Phía Nam tiếp giáp với hộ ông Thân Văn T1.

Phía Bắc tiếp giáp với đường bê tông của thôn T.

Trên thửa đất anh Nguyễn Văn H quản lý có các tài sản sau: 01 nhà hai tầng xây kiên cố năm 2003, trước nhà là 01 sân lát gạch Hạ Long năm 2013, phía sau có khu công trình phụ và 01 nhà tạm.

Trên thửa đất Anh Nguyễn Văn P quản lý có các tài sản sau: 01 nhà hai tầng xây kiên cố năm 2006, trước nhà là 01 sân lát gạch, phía sau có hai dãy nhà công trình phụ. Giá trị quyền sử dụng đất thổ cư 1.650.000đ/m^2, giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp 50.000đ/m^2, tổng giá trị quyền sử dụng đất là 424.385.000đ

- Đối với thửa đất nông nghiệp tại xứ Đồng Sòi, thôn T, xã P có diện tích là 522m^2 có cách cạnh tiếp giáp như sau:Một cạnh giáp hộ ông Lương Văn N một cạnh giáp hộ ông Phạm Văn Nghĩa; một cạnh giáp hộ ông Phạm Văn Đ giá trị 522,2m^2 x 50.000đ/m^2 = 26.125.000đ (hai mươi sáu triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2019/DS-ST ngày 11/12/2019 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 35, 39, 165, 166, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 73, 79 Luật đất đai năm 1993;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn: Ông Thân Văn Đ, bà Nguyễn Thị T, anh Thân Văn V, chị Thân Thị P, anh Thân Văn T và chị Thân Thị P1 do ông Thân Văn Đ đại diện theo ủy quyền về việc Buộc vợ chồng ông Sơn, bà Thường phải trả lại cho ông diện tích 528m² tại thửa số 245, tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00511 ngày 26/01/1999 và buộc vợ chồng Ông Nguyễn Thanh S, Bà Thân Thị T phải bồi thường cho ông toàn bộ thiệt hại do không được canh tác từ năm 2009 đến thời điểm trả đất với mức 200kg thóc/1 năm. Cụ thể là 10 năm x 200kg thóc/1 năm = 2.000kg thóc có giá là 14.200.000 đồng.

2. Án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Miễn án phí cho ông Thân Văn Đ, bà Nguyễn Thị T, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Thân Văn V, chị Thân Thị P1.

Anh Thân Văn T và chị Thân Thị P phải liên đới chịu 300.000 đồng tiền án phí DSST; anh Thực và chị Phòng mỗi người phải chịu 118.000 đồng án phí đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tiền chi phí định giá tài sản hết 5.000.000 đồng các nguyên đơn phải chịu. Xác định các nguyên đơn đã nộp đủ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo.

Sau khi án sơ thẩm xử, ông Thân Văn Đ không đồng ý với bản án sơ thẩm và kháng cáo Toàn bộ bản án. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc Ông Nguyễn Thanh S, Bà Thân Thị T trả lại ông thửa đất số 245 tờ bản đồ số 7 diện tích 528 m^2, bồi thường thiệt hại cho ông do thời gian không canh tác được trong 10 năm là 02 tấn thóc.

Tại phiên tòa, ông Thân Văn Đ không thay đổi, bổ sung rút yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đoàn trình bày:

Ông Thân Văn Đ đại diện cho các nguyên đơn trình bày: Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Nguyễn Thanh S, Bà Thân Thị T phải trả cho ông diện tích 528m^2 đất tại thửa số 245, tờ bản đồ số 7 đã được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chưng nhận quyền sử dụng đất số 00051 ngày 26/01/1999 mà hiện nay gia đình Ông Nguyễn Thanh S đang quản lý và sử dụng, ông Thân Văn Đ khẳng định thửa đất này có vị trí tại xứ đồng Chăn Nuôi, Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn Ông Nguyễn Thanh S, Bà Thân Thị T và đại diện theo ủy quyền của Anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Thị Thịnh và Chị Lưu Thị C, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Thửa đất có diện tích 528m^2 đất tại thửa số 245, tờ bản đồ số 7 đã được UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00051 ngày 26/01/1999 cho hộ ông Thân Văn Đ có vị trí tại xứ Đồng Sòi, thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang chứ không phải thửa đất mà gia đình ông đang quản lý và sử dụng.

Tại phiên tòa phuc thẩm, các đương sự không cung cấp bổ sung được tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 xử: Không chấp nhận kháng cáo ông Thân Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Thân Văn Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, việc vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo. Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông Nguyễn Thanh S vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung: Xét kháng cáo của Thân Văn Đ:

[2.1]. Đối với vị trí thửa đất tranh chấp là thửa số 245, tờ bản đồ số 7 có diện tích là 528m². Ông Đoàn cho rằng vị trí thửa đất này có vị trí tại xứ đồng Chăn Nuôi, thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang mà hiện nay gia đình Ông Nguyễn Thanh S đang quản lý và sử dụng, trên đất có các công trình như 01 ngôi nhà 02 tầng được xây dựng kiên cố, khu công trình phụ tách rời, sân lát gạch. Ông Nguyễn Văn H cho rằng vị trí thửa đất này có vị trí tại xứ Đồng S, Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 23/10/2019, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, sau khi đo vẽ, xác định thửa đất như sau:

- Đối với thửa đất tại xứ Đồng Chăn Nuôi, thôn T, xã P huyện Y, tỉnh Bắc Giang mà gia đình Ông Nguyễn Thanh S đang quản lý và sử dụng, cụ thể đã chia cho anh Nguyễn Văn H sử dụng 248m^2 và Anh Nguyễn Văn P đang sử dụng 303,7m^2 có các cạnh tiếp giáp như sau:

Phía Đông tiếp giáp với mương nước của thôn T.

Phía Tây tiếp giáp với đường bê tông của thôn T.

Phía Nam tiếp giáp với hộ ông Thân Văn T1.

Phía Bắc tiếp giáp với đường bê tông của thôn T.

Trên thửa đất do anh H, chị T quản lý có các công trình trên đất như sau: 01 nhà hai tầng xây kiên cố năm 2003, trước nhà là 01 sân lát gạch Hạ Long năm 2013, phía sau có khu công trình phụ và 01 nhà tạm.

Trên thửa đất do anh P, chị C quản lý có các công trình trên đất như sau: 01 nhà hai tầng xây kiên cố năm 2006, trước nhà là 01 sân lát gạch lá nem, phía sau có hai dãy nhà công trình phụ.

- Đối với thửa đất nông nghiệp tại xứ Đồng S, thôn T, xã P có diện tích là 522m^2 có cách cạnh tiếp giáp như sau:

Một cạnh giáp hộ ông Lương Văn N;

Một cạnh giáp hộ ông Phạm Văn N;

Một cạnh giáp hộ ông Phạm Văn Đ.

Ủy ban nhân dân xã Tiền Phong, huyện Y, tỉnh Bắc Giang trình bày: Căn cứ vào sổ địa chính, sổ mục kê và bản đồ địa chính xã Tiền Phong, huyện Y, tỉnh Bắc Giang thì hộ gia đình ông Thân Văn Đ không có đất nông nghiệp tại xứ đồng Chăn Nuôi, Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Thửa số 245, tờ bản đồ số 7 có diện tích là 528m² mà ông Thân Văn Đ đang khởi kiện có vị trí tại xứ Đồng Sòi, thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 cho hộ ông Thân Văn Đ. Và thực tế thì toàn bộ diện tích đất nông nghiệp tại xứ đồng Chăn Nuôi, thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã được chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất ở từ những năm 1996. Hiện nay, toàn bộ khu vực này đã được xây dựng nhà ở và tất cả các hộ dân trong thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang không còn đất nông nghiệp tại xứ đồng Chăn Nuôi, Thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn cho rằng diện tích 543m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 810/225 ngày 01/6/1993 và diện tích 528m² tại thửa số 245, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00511 ngày 26/01/1999 là cùng một thửa đất và có cùng địa chỉ tại cửa Chăn Nuôi thuộc thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là không có căn cứ, bởi lẽ: Qua các tài liệu do Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã cung cấp và căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích 543m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 810/225 ngày 01/6/1993 và diện tích 528m² tại thửa số 245, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00511 ngày 26/01/1999 không phải là cùng một thửa đất. Năm 1993 Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang chỉ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là tạm thời, đến năm 1999 thì cấp lại giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chính thức cho nguyên đơn, thì không có diện tích đất này. Sau khi nhận giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong suốt một thời gian dài, nguyên đơn không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì việc cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, không có căn cứ xác định diện tích đất nguyên đơn đang tranh chấp với bị đơn là của nguyên đơn.

Các tài liệu do Ủy ban nhân dân xã cung cấp, hồ sơ cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện cung cấp và lời trình bày của các ông bà trưởng thôn qua các thời kỳ, xác định được: Diện tích đất bị đơn đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là đất nông nghiệp tại xứ đồng Chăn Nuôi. Năm 1996, Ủy ban nhân dân xã Tiền Phong, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và thôn T đã bán

cho các hộ dân trong thôn, trong đó có bị đơn, bị đơn đã mua và nộp tiền cho thôn T là 3.000.000 đồng. Theo qui định của Luật đất đai năm 1993, việc bán đất như vậy là không đúng. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn H (con của bị đơn). Mặt khác Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số: 191/2012/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 ban hành quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với một số trường hợp vướng mắc, tồn tại trước ngày 01/01/2012 cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bị đơn là phù hợp với qui định tại Quyết định số: 191/2012/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 và không xâm phạm đến quyền lợi của nguyên đơn (vì không phải đất của nguyên đơn).

Ngoài lời trình bày của nguyên đơn ra, nguyên đơn không đưa ra được một trong các giấy tờ qui định tại khoản 1 Điều 100 của Luật đất đai hay khoản 1 Điều 50 của Luật đất đai năm 2003 làm căn cứ gì chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Đối với yêu cầu đòi bồi thường của nguyên đơn: Buộc vợ chồng Ông Nguyễn Thanh S, Bà Thân Thị T phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do không được canh tác từ năm 2009 đến thời điểm trả đất với mức 200kg thóc/1 năm. Cụ thể là 10 năm x 200kg thóc/1 năm = 2.000 kg thóc.

Như đã nhận định ở phần trên, yêu cầu đòi đất của nguyên đơn không được chấp nhận, nên yêu cầu bồi thường của nguyên đơn đối với bị đơn cũng không được chấp nhận. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 96, Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 73, Điều 79 Luật đất đai năm 1993.

Từ nhận định trên, không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Thân Văn Đ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên các đồng nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp quyền sử dụng đất và án phí yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận. Cụ thể: 14.200.000đồng x 5% = 710.000 đồng (710.000 đồng/06 đồng nguyên đơn, mỗi người phải chịu 118.000 đồng). Do ông Thân Văn Đ, bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi, anh Thân Văn V và chị Thân Thị P1 là hộ cận nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Thân Văn T và chị Thân Thị P phải liên đới chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu đòi quyền sử dụng đất nhưng không được chấp nhận; anh Thân Văn T và chị Thân Thị P mỗi người phải chịu 118.000 đồng án phí đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Đ không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ

luật tố tụng dân sự.Tuy nhiên do ông Đ là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ, Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Thân Văn Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 96, 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 73, 79 Luật đất đai năm 1993; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn: Ông Thân Văn Đ, bà Nguyễn Thị T, anh Thân Văn V, chị Thân Thị P, anh Thân Văn T và chị Thân Thị P1 do ông Thân Văn Đ đại diện theo ủy quyền về việc Buộc vợ chồng Ông Nguyễn Thanh S, Bà Thân Thị T phải trả lại cho ông Thân Văn Đ diện tích 528m² đất tại thửa số 245, tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00511 ngày 26/01/1999 và buộc vợ chồng Ông Nguyễn Thanh S, Bà Thân Thị T phải bồi thường cho ông Thân Văn Đ toàn bộ thiệt hại do không được canh tác từ năm 2009 đến thời điểm trả đất với mức 200kg thóc/1 năm. Cụ thể là 10 năm x 200kg thóc/1 năm = 2.000kg thóc có giá là 14.200.000 đồng.

2. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Thân Văn Đ, bà Nguyễn Thị T, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Thân Văn V, chị Thân Thị P1. Anh Thân Văn T và chị Thân Thị P phải liên đới chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Thân Văn T và chị Thân Thị P mỗi người phải chịu 118.000 đồng án phí đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Thân Văn Đ.

3. Tiền chi phí định giá tài sản, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết 5.000.000 đồng các nguyên đơn phải chịu. Xác nhận các nguyên đơn đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND huyện Y;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thạo